

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là:

- A. 1,75% B. 17,5% C. 35% D. 24%

Phương pháp

Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số, ta làm như sau:

- Tìm thương của hai số.
- Nhân thương của hai số đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

Lời giải

Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là $7 : 40 = 0,175 = 17,5\%$

Đáp án: B

Câu 2. Số đo $0,045 \text{ m}^3$ đọc là:

- A. Không phải bốn lăm mét khối.
 B. Bốn mươi lăm phần trăm mét khối.
 C. Không phải không trăm bốn mươi lăm mét khối.
 D. Không phải không trăm bốn mươi lăm mét.

Phương pháp

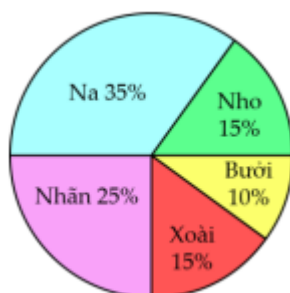
Khi đọc số đo thể tích, ta đọc số trước rồi đọc kí hiệu đơn vị đo thể tích.

Lời giải

Số đo $0,045 \text{ m}^3$ đọc là: Không phải không trăm bốn mươi lăm mét khối.

Đáp án: C

Câu 3. Kết quả điều tra về sự yêu thích các loại quả của 200 học sinh được thể hiện trên biểu đồ hình quạt bên dưới. Trong 200 học sinh đó, số học sinh yêu thích quả nho là:



- A. 30 học sinh B. 50 học sinh C. 70 học sinh D. 40 học sinh

Phương pháp

1. Quan sát biểu đồ xác định số phần trăm học sinh yêu thích quả nho
2. Số học sinh yêu thích quả nho = tổng số học sinh : 100 x số phần trăm học sinh yêu thích quả nho

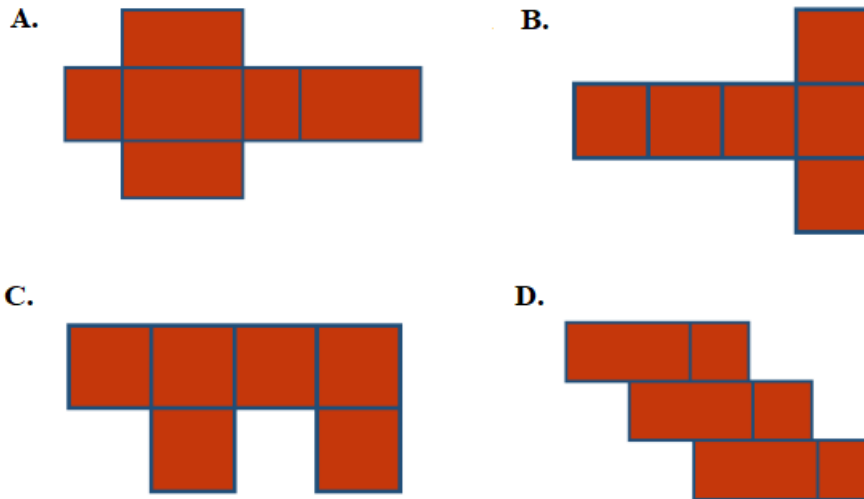
Lời giải

Trong 200 học sinh, số học sinh yêu thích quả nho là:

$$200 : 100 \times 15 = 30 \text{ (học sinh)}$$

Đáp án: A

Câu 4. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình khai triển của hình hộp chữ nhật?

**Phương pháp**

Hình hộp chữ nhật có 4 mặt bên và 2 mặt đáy đều là hình chữ nhật.

Lời giải

Hình A là hình khai triển của hình hộp chữ nhật.

Đáp án: A

Câu 5. Một bánh xe lăn 200 vòng được một đoạn đường dài 942 m. Đường kính của bánh xe đó là?

- A. 0,75 m B. 1,5 m C. 2,355 m D. 4,71 m

Phương pháp

1. Tìm đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng
2. Đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng = chu vi bánh xe
3. Đường kính của bánh xe = Chu vi bánh xe : 3,14

Lời giải

Đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng là: $942 : 200 = 4,71 \text{ (m)}$

Đoạn đường khi bánh xe lăn 1 vòng chính là chu vi bánh xe.

Đường kính của bánh xe là:

$$4,71 : 3,14 = 1,5 \text{ (m)}$$

Đáp án: B

Câu 6. Diện tích toàn phần hình lập phương có cạnh là 8 dm là:

- A. 512 dm² B. 256 dm² C. 384 dm² D. 128 dm²

Phương pháp

Diện tích toàn phần hình lập phương = cạnh x cạnh x 6

Lời giải

Diện tích toàn phần hình lập phương có cạnh là 8 dm là: $8 \times 8 \times 6 = 384$ (dm²)

Đáp án: C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

9 ngày 5 giờ + 8 ngày 10 giờ

7 phút 42 giây – 3 phút 18 giây

6 giờ 30 phút x 8

30 phút 24 giây : 6

Phương pháp

- Đặt tính rồi tính như với phép tính số tự nhiên.

- Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.

- Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải

9 ngày 5 giờ

7 phút 42 giây

+

-

8 ngày 10 giờ

3 phút 18 giây

17 ngày 15 giờ

4 phút 24 giây

6 giờ 30 phút

x

8

48 giờ 240 phút

= 52 giờ

30 phút 24 giây | 6

0 24 giây | 5 phút 4 giây

0

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) $6 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$

d) $3 \text{ dm}^3 25 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

b) $8 \text{ m}^3 52 \text{ dm}^3 \dots\dots\dots \text{ m}^3$

e) $12,087 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

c) $3,7 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

f) $73 054 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ dm}^3 = 1 000 \text{ cm}^3$; $1 \text{ m}^3 = 1 000 \text{ dm}^3$

Lời giải

a) $6 \text{ dm}^3 = \mathbf{6 000} \text{ cm}^3$

d) $3 \text{ dm}^3 25 \text{ cm}^3 = \mathbf{3,025} \text{ dm}^3$

b) $8 \text{ m}^3 52 \text{ dm}^3 = \mathbf{8,052} \text{ m}^3$

e) $12,087 \text{ m}^3 = \mathbf{12 087} \text{ dm}^3$

c) $3,7 \text{ m}^3 = 3\,700 \text{ dm}^3$

f) $73\,054 \text{ cm}^3 = 73,054 \text{ dm}^3$

Câu 3. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Phương pháp

- Tìm số mét vải bị co lại
- Tìm chiều dài tấm vải sau khi giặt = Chiều dài tấm vải ban đầu - số mét vải bị co lại

Lời giải

Sau khi giặt, tấm vải bị co lại số mét là:

$$24,5 : 100 \times 2 = 0,49 \text{ (m)}$$

Sau khi giặt, tấm vải dài số mét là:

$$24,5 - 0,49 = 24,01 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24,01 mét

Câu 4. Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước bên trong lòng hồ là chiều dài 20 m, chiều rộng 10 m và chiều sâu 12 dm. Người ta lát gạch men xung quanh (bên trong) và đáy hồ.

- a) Tính diện tích phần lát gạch?
- b) Hồ bơi đó có thể chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước?

Phương pháp

a) Diện tích phần lát gạch chính là diện tích xung quanh của hồ bơi.

1. Đổi 12 dm sang đơn vị m
2. Diện tích phần lát gạch = (chiều dài + chiều rộng) x 2 x chiều sâu

b) Thể tích hồ bơi = chiều dài x chiều rộng x chiều sâu

Đổi từ đơn vị m^3 sang đơn vị lít

Lời giải

a) Diện tích phần lát gạch chính là diện tích xung quanh của hồ bơi.

Đổi: 12 dm = 1,2 m

Diện tích phần lát gạch là:

$$(20 + 10) \times 2 \times 1,2 = 72 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Hồ bơi đó có thể chứa được nhiều nhất số lít nước là:

$$20 \times 10 \times 1,2 = 240 \text{ (m}^3\text{)} = 240\,000 \text{ lít}$$

Đáp số: a) 72 m^2

b) 240 000 lít

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com